TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **339**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1990 ;CCCD số 046190008581, nơi cấp: Cục C1 về TTXH, Bộ C2; Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành phố H

- *Bị đơn:* Anh Phan Phước C, sinh năm 1989; CCCD số 046089012058, nơi cấp: Cục C1 về TTXH, Bộ C2. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim H và anh Phan Phước C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim H và anh Phan Phước C thỏa thuận giao cháu Phan Tiến Q, sinh ngày 13/4/2015 và cháu Phan Trần Thảo V, sinh ngày 07/7/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kim H và anh Phan Phước C tự thoả thuận giải quyết về tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng. Chị Trần Thị Kim H thoả thuận tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000388 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị H được hoàn trả số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 7, Điều 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 3 - Huế;
- UBND phường Phong Thái,
Quyển số 01/2015, số 39/2015, ngày 09/3/2015;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huyền